

Medium

MODULO DELTA 06 HIGH

MDLODLTHIG

Giày ửa m ổ gề i, **làm** tm mạ ừ **da và** ch ố n g thấm nư ớc **ngoài** ớ bằn g **cao su Tigergrip .**

MDL **SAFETY** và an toàn thân giày bằn g da thoáng khí, đế giày có th ể điều chỉnh và đế ngoài ch ố n g nhiệ t đạt chứ n g nhận ESD. Hoàn hảo cho môi



BLK

Những vật liệu cao cấp hơn	Da nguyên hạt xay
ót bên trong	i 3D tái chế (100% tái chế), màng
trong	Đ ệm chân SJ làm từ mút tái chế (96% vật liệu tái chế)
ngoài	Đ BASF PU/Cao Su (NBR)
i	Loạ 06 / SR, SC, LG, FO, HI, HRO, CI, ESD
	Phạm vi kích thước EU 37-48 / UK 4.0-13.0 / US 4.5-13.5 JPN 23-31.5 / KOR 240-315
ng lượng t thép	0.650 kg
ẩn hóa u chu	EN ISO 20347:2022+A1:2024 ASTM F2892:2024





Mặt **trên** bằng **da thoáng khí**
Da tự nhiên thoáng khí cho các ứng dụng linh hoạt



Chống nước **(WR)**
Giày không thấm nước ngăn chất ẩm xâm nhập vào giày.



X
ESD cung cấp khả năng xả năng lượng tĩnh điện có kiểm soát có thể làm hỏng các bộ phận điện tử và ngăn chặn tia lửa do tích điện. 100 KiloOhm và 100 MegaOhm.



Đ nhiệt
Đ được nhiệt độ cao lên đến 300°C.



hấp thụ **gót chân**
Sự hấp thụ năng lượng ở gót chân
mang. ời



& nhiên
ế ngoài có k năng và nhiên liệu.

Công nghiệp **n:**

c ật thiế n thu

ường: **Môi** t

Bề mặt cự c mịn ờn **mội** ẩm ư ớt

Cac hương **dân ba#o tri:**

éo dài t Da giày, chúng tôi khuyên bạn nên v ệ sinh giày thư ờn g xuyên và bảo v ệ chúng bằng phẩ cáp hà nhiệg Không trên lò s

K

	Sự **miêu** t ả	**EN ISO 20347**	ế t ả	ơn vị u	**đo** l	Đ ờn g q
Nhữ n g vật l iệu **Da nguyên** hạt **xay** **cao** cấp h ơn						
	Top: khả năng n ấm ớ	? 0.8		2.71	ờ	mg/cm/g
	Top: h nuệ số ơ	? 15		26		mg/cm2
ót bên trong	i **3D tái** L ớ **(100% tái** ch ế), **màng**					
	L ớp **lót:** n ấm ớ	? 2		6.36	ờ	mg/cm/g
	lót: h nuệ số ơ	? 20		51		mg/cm2
rong	Đ ệ m **chân SJ làm** t ừ **mút tái** ch ế **(96%** vật l iệu **tái** ch ế)					
	ệ m chân Đ ch ố n g mài mòn (khô/ ớ t) (chu kỳ)	25600/12800		Dry 25600 cycles/Wet 12800 cycles		chu kỳ
goài	Đ **BASF PU/Cao Su (NBR)**					
	Ch ố n ảm g mài mòn ế ngoài (	? 150		117		mm
	Chư ố trơ gót bản - Ceramic + NaLS - Trư ợt gót v ề phía t	? 0.31		0.44		ma sát
	r Cột cố ả g - G ố m + NaLS - Trư ợt lùi v ề phía t	? 0.36		0.42		ma sát
	r Cột SR - G ố m + Glycerin - Trư ợt gót phía t	? 0.19		0.29		ma sát
	Chư ố trơ SR - G ố m + Glycerin - Trư ợt lùi v ề phía t	? 0.22		0.32		ma sát
	ị ch ố Giá t g tĩnh điệ n	0.1 - 1000		28.4		megaohm
	ị ESD Giá t	0.1 - 100		33		megaohm
	Hấp thụ năng l ợ gót chân củ	? 20		35		J

kích thước thép: 42

a chú Giày khôn có thể thay thế nhãn hiệu Safety Jogger đã được đăng ký và không được sao chép dưới dạng nào mà không có sự cho phép bằng văn bản của chúng tôi.

hân sinh Đ **thái:**

	Sự **miêu** t ả	ế t ả	ơn vị u	**đo** l	Đ ờn g q
i **CO** **phát** thả					
	V ật l iệu		8.69		kg
	Bao bì		0.14		kg
	ất Sản x u		1.90		kg
	Chuyên ch ở		0.26		kg
			10.98 kg CO2/ cặp		

	Sự **miêu** t ả	ế t ả	K u	q
ệ vật l Tiệ **tái** ch ế				
	Product		6%	
	Bao bì		99%	

Tính toán CO2:
ị được làm tròn đến hai chữ số thập phân.
Các phân tích này được thực hiện bằng các công cụ tính toán và có thể thay đổi.

SAFETY JOGGER WORKS
HEAD-TO-TOE PROTECTION
ENGINEERED IN EUROPE
www.safetyjogger.com